TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/DSST
Ngày 29-10-2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đăng Thanh; Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Diệp Văn Vĩ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2018/TLST- DS ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ:Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Đặng Hồng Q, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2018 và tại bản tự khai, những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 14/10/2017 (âm lịch) bà có cho chị Nguyễn Thị Thanh H vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích chị H vay là để lấy vốn làm ăn, với lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Hẹn đến ngày 14/02/2018 chị H sẽ trả cho bà số tiền gốc và tiền lãi, hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 14/10/2017. Đến hạn thanh toán, bà có đòi nhiều lần nhưng chị H không trả cho bà số tiền trên. Nay bà yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 100.000.000 đồng cùng lãi suất từ ngày vay đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong giấy vay tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018 bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964, trú tại thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang có quen biết nhau vì trước đây chồng bà T và chồng chị cùng là Công an xã H, ngoài ra giữa chị và bà T không có quan hệ họ hàng gì. Ngày 14/10/2017 âm lịch chị có vay số tiền 100.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T, mục đích chị vay số tiền này là vay hộ người khác, chị và bà T có thỏa thuận ngày 14/02/2018 âm lịch sẽ là hạn cuối cùng thanh toán cả tiền gốc và lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước. Chị là người trực tiếp viết giấy vay tiền này. Đến hạn thanh toán chị chưa trả được cho bà T số tiền trên vì người mà chị vay tiền hộ chưa trả tiền cho chị. Nay bà T khởi kiện chị đòi số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo giấy vay tiền là 1%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử, quan điểm của chị là đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi cho bà T nhưng hiện nay việc làm ăn của chị khó khăn nên chị không có khả năng thanh toán ngay một lần được. Chị sẽ có trách nhiệm trả dần cho bà T từ nay đến tháng 8/2021 là trả xong cho bà T cả tiền gốc và tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Hồng Q trình bày: Anh là chồng chị Nguyễn Thị Thanh H. Việc vay tiền của chị H và bà Nguyễn Thị T thì anh không biết, chị H không trao đổi hay bàn bạc gì với anh, khi bà T đến nhà anh đòi tiền thì anh mới biết sự việc. Khoản tiền này chị H tự ý vay và sử dụng, anh không được cùng chi tiêu hay hưởng lợi gì. Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện đối với chị H, quan điểm của anh là hiện nay công việc làm ăn của gia đình anh khó khăn, không có khả năng trả bà T được số tiền này ngay cho bà T. Anh đề nghị bà T để cho chị H trả dần từ nay đến tháng 8/2021 sẽ trả xong cho bà T toàn bộ số tiền gốc và lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn S trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T. Việc bà T cho bị Nguyễn Thị Thanh H vay số tiền 100.000.000 đồng thì ông không biết vì bà T không bàn bạc gì với ông, ông không tham gia và không chứng kiến đối với việc giao dịch trên. Nhưng ông xác định số tiền 100.000.000 đồng mà bà T cho chị H vay là tiền tích

góp của vợ chồng ông. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H phải trả số tiền trên cùng tiền lãi thì quan điểm của ông là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Toà án đã nhiều lần mở phiên hoà giải nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách thức giải quyết tranh chấp.

Tại phiên toà hôm nay:

Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi chị Nguyễn Thị Thanh H phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo mức lãi suất trong giấy vay tiền. Không đồng ý với đề nghị của chị H là cho trả làm nhiều lần (lần cuối trả vào tháng 8/2021), không đồng ý về việc trả lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước.

Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Trước ngày 14/10/2017 (âm lịch) chị có vay tiền của bà T nhưng chưa trả được nên ngày 14/10/2017 bà T chốt nợ cả gốc và lãi thành 100.000.000 đồng và yêu cầu chị viết giấy vay tiền mới. Giấy vay này có thỏa thuận thời hạn vay là 04 tháng (tức là phải trả vào ngày 14/02/2018 âm lịch) và lãi suất thỏa thuận là theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước. Chị thừa nhận có việc vay số tiền trên của bà Nguyễn Thị T, đồng ý có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T cả gốc là 100.000.000 đồng cùng tiền lãi nhưng phải theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước. Do kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần cho bà T làm nhiều lần, lần cuối cùng sẽ trả cho bà T vào tháng 8/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Hồng Q trình bày: Việc giao dịch vay tiền giữa chị H (vợ anh) và bà T thì anh không liên quan gì vì chị H không trao đổi, bàn bạc gì với anh. Nay bà T khởi kiện yêu cầu đòi số tiền trên thì anh không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng chị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của ông S có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy vay tiền mà các bên đã ký kết.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trịnh Văn S.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T là người cho vay tiền, chị Nguyễn Thị Thanh H là người vay tiền. Các bên có giao kết bằng văn bản (giấy vay tiền), ghi rõ số lượng tiền, có thời hạn thanh toán, có thỏa thuận lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi có tranh chấp bà T yêu cầu Toà án giải quyết, do đó xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Quan hệ giữa bà T và chị H là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn là người cư trú ở thôn T, xã H, huyện L. Do vậy Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy vay tiền ký kết giữa các bên thể hiện ngày 14/02/2018 âm lịch (tức ngày 30/3/2018 dương lịch) là thời hạn cuối cùng để chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà T, nhưng chị H không thực hiện nghĩa vụ của mình. Như vậy xác định ngày 15/02/2018 âm lịch (tức ngày 31/3/2018 dương lịch) là ngày phát sinh quan hệ tranh chấp, là ngày quyền và lợi ích hợp pháp của bà T bị xâm phạm. Ngày 18/7/2018 bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, như vậy vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu trả số tiền gốc 100.000.000 đồng: Căn cứ lời khai của các bên và tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định việc chị Nguyễn Thị Thanh H vay tiền của bà Nguyễn Thị T là sự kiện pháp lý có thật, giao dịch được xác lập theo giấy vay tiền đề ngày 14/10/2017 (âm lịch) thể hiện số tiền vay là 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 14/02/2018 âm lịch và mức lãi suất là 1%/tháng. Giấy vay tiền này do chính bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H viết và ký tên. Tại phiên tòa hôm nay chị H một lần nữa thừa nhận việc này là đúng sự thật. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do chị H vi phạm thỏa thuận về thời hạn thanh toán, do đó việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho nên yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gốc được Tòa án chấp nhận.

- Đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi: Theo giấy vay tiền ngày 14/02/2017 có thể hiện lãi suất là 1%/tháng. Mặc dù chị Nguyễn Thị Thanh H không thừa nhận mức lãi suất này nhưng giấy vay tiền là do chị tự viết ra và ký tên, tại phiên tòa chị H cũng thừa nhận việc này là đúng thực tế. Mặt khác lãi suất thỏa thuận trong giấy vay tiền (1%/tháng) là phù hợp quy định của pháp luật vì mức lãi suất này không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi từ ngày 14/10/2017 âm lịch (tức ngày 01/12/2017 dương lịch) đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất được ghi trong giấy vay tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

Khoản tiền lãi mà chị H phải trả bà T được tính như sau: Tổng số ngày phải trả lãi là 333 ngày (từ ngày 01/12/2017 dương lịch đến ngày 29/10/2018 dương lịch), tương ứng: 100.000.000 đồng x 0,033%/ngày x 333 ngày = 10.990.000 đồng (Mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)

Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà chị H phải trả bà Tần là: 100.000.000 đồng + 10.990.000 đồng = 110.990.000 đồng (Một trăm mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Về việc chị H trình bày mục đích chị vay tiền của bà T là để vay hộ người khác: Hội đồng xét xử xét thấy đây lời khai mang tính chất cá nhân của chị H, nếu việc đó là có thật thì đây cũng là quan hệ dân sự khác, là một vụ việc khác giữa chị H và người mà chị vay tiền hộ. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nội dung này.

Đối với trách nhiệm của anh Đặng Hồng Q: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thanh H khẳng định việc chị vay tiền của bà T là việc làm của riêng chị, không liên quan gì đến anh Q. Mặt khác bà T cũng khẳng định

việc giao dịch vay tiền chỉ có bà và chị H, ngoài ra không có ai khác liên quan. Qua đó thấy rằng việc vay tiền của chị H là hành vi pháp lý đơn phương, không được sự đồng ý của anh Q, mặt khác anh Q cũng không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng chị. Do vậy chị Nguyễn Thị Thanh H phải tự chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự cũng như phù hợp quy định tại Điều 37, Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T được chấp nhận toàn bộ, nên chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 110.990.000 đồng x 5% = 5.550.0000 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 429; Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37, Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:** Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 10.990.000 đồng. Tổng số tiền chị H phải trả bà T là 110.990.000 (Một trăm mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm của tất cả số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 5.550.000 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2018/0005033 ngày 15/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn